

# Chương II: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế

Phần 1. Các khái niệm cơ bản

Phần 2. Các chỉ số đánh giá tăng trưởng và phát triển

Phần 3. Khung lý thuyết cho việc phân tích tăng trưởng và phát triển tại các nước đang phát triển

# Phần 1: Những khái niệm cơ bản

- Tăng trưởng kinh tế (Economic Growth)
- Phát triển (Development- Economic Development)
- Phát triển bền vững (Sustainable Development)

# 1. Tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về mặt số lượng của các biến số kinh tế chủ yếu ví dụ như tổng sản phẩm quốc nội, tổng thu nhập quốc dân hoặc thu nhập quốc dân tính trên đầu người.
- Quy mô (tuyệt đối):  $\Delta Y = Y_t - Y_0$
- Tốc độ tăng trưởng hàng năm (tương đối):
- $G_t = [ \ln(Y_t) - \ln(Y_0) ] / t$

## 2. Phát triển<sup>2</sup>

- Gillis
- Todaro
- Colman và Nixon
- Ingham
- WB





**a) Gillis:** PT có nghĩa rộng hơn tăng trưởng. Đó là một quá trình tiến bộ về nhiều mặt của nền kinh tế thể hiện qua các khía cạnh sau:

- (1) *Gia tăng tổng sản phẩm* quốc dân, thu nhập quốc dân, và thu nhập tính trên đầu người;
- (2) *Thay đổi cơ cấu* một cách cơ bản;
- (3) Đa số người dân *tham gia* vào quá trình tăng trưởng và thay đổi cơ cấu: *tạo ra và hưởng thụ* thành quả của PT.

## b) Todaro

Trước những năm 70s:

(1) Tăng trưởng, (2) Thay đổi cơ cấu, (3) Cải thiện các chỉ số xã hội: tăng tỷ lệ người biết chữ, số năm đi học, điều kiện y tế, điều kiện nhà ở.

Sau những năm 70s:

(1) Tăng trưởng, (2) Thay đổi cơ cấu, (3) Trực tiếp giải quyết các vấn đề nghèo đói, thất nghiệp và bất bình đẳng

## c) Colman và Nixon

PT là một quá trình cải thiện có thể kiểm chứng được thông qua một số tiêu chuẩn hoặc giá trị. Khi so sánh hai hoặc nhiều quốc gia, phát triển đóng vai trò là một thước đo tình trạng của các nước đó dựa trên một số các tiêu chuẩn hay giá trị liên quan đến những điều được cho là cần thiết trong xã hội

# Các tiêu chuẩn/giá trị liên quan đến phát triển (Seers và Myrdal):

- Năng suất lao động cao hơn
- Mức sống cao hơn
- Công bằng xã hội và kinh tế
- Thể chế được cải thiện
- Thống nhất và độc lập của quốc gia
- Dân chủ tới tầng lớp thường dân
- Trật tự, kỷ cương xã hội
- Điều kiện về giáo dục và việc làm tốt hơn
- ....



**d) Ingham** (Uni. of Salford, World Development, 1993), PT kinh tế gồm:

- Tăng trưởng kinh tế
- Thay đổi cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng NN, tăng tỷ trọng CN và DV
- Hiện đại hóa
- Thay đổi về chính trị
- Sự tham gia của mọi tầng lớp dân chúng
- Phân phối lại để đảm bảo công bằng hơn
- PT hướng vào con người và cải thiện HDI



## e) UN: Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ

MDG 1: Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói  
Giảm 1/2 tỷ lệ người có mức sống  $< 1\$/\text{ngày}$ . Giảm 1/2 tỷ lệ người dân thiếu đói

MDG 2: Đạt phổ cập giáo dục tiểu học

MDG 3: Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ

MDG 4: Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em

MDG 5: Nâng cao sức khỏe bà mẹ

MDG 6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác

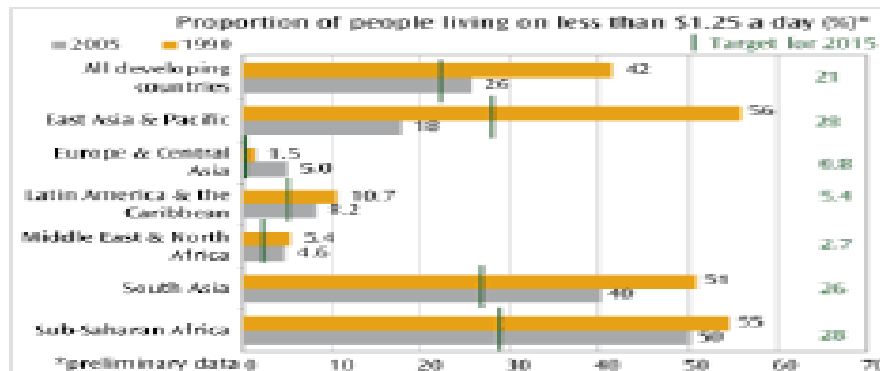
MDG 7: Đảm bảo bền vững về môi trường

MDG 8: Thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển

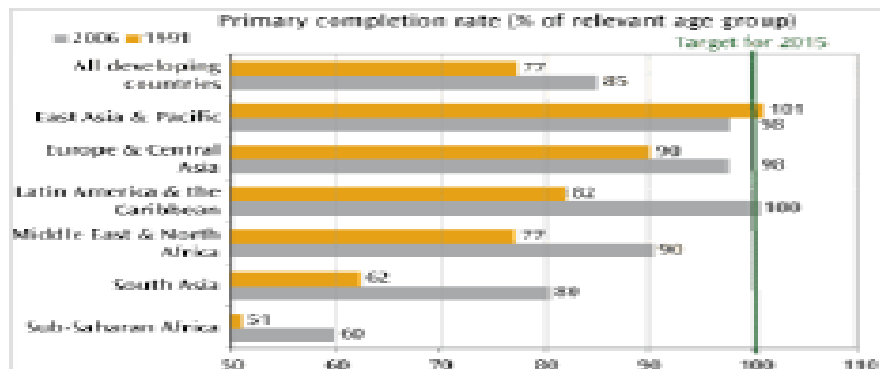
- Thiết lập hệ thống TM và tài chính thông thoáng, có thể dự báo và không phân biệt đối xử
- Đáp ứng nhu cầu của các nước kém pt nhất: khả năng tiếp cận đối với hàng XK trên cơ sở miễn thuế và phi hạn ngạch; giảm nợ; xoá các khoản nợ song phương; hỗ trợ pt chính thức cho xoá đói giảm nghèo

# Millennium Development Goals Regional Progress

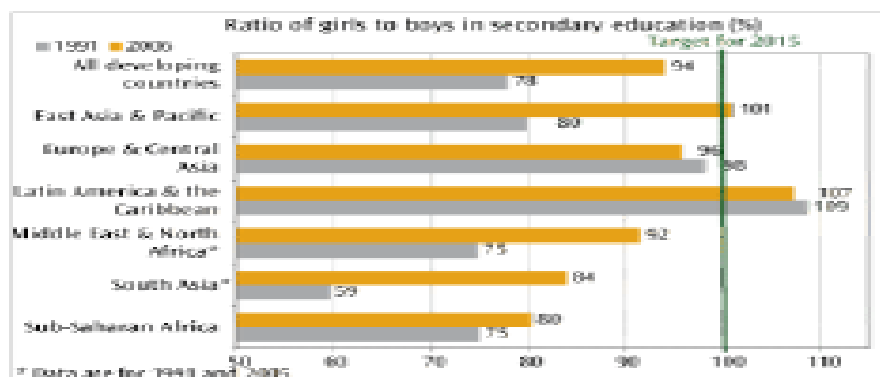
## Goal 1: Eradicate extreme poverty and hunger



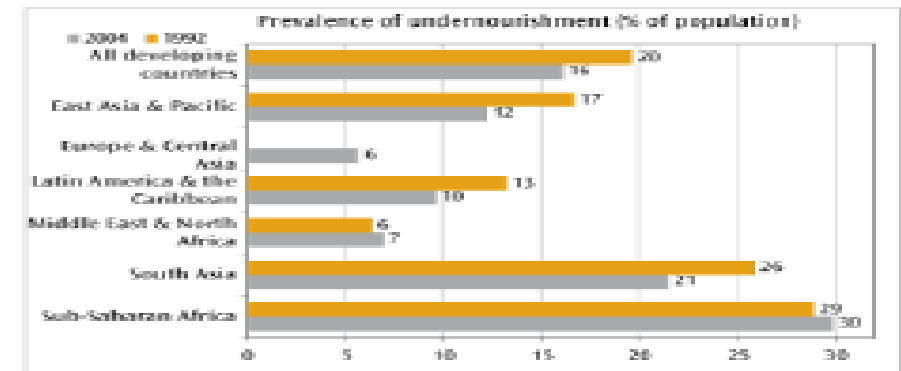
## Goal 2: Achieve universal primary education



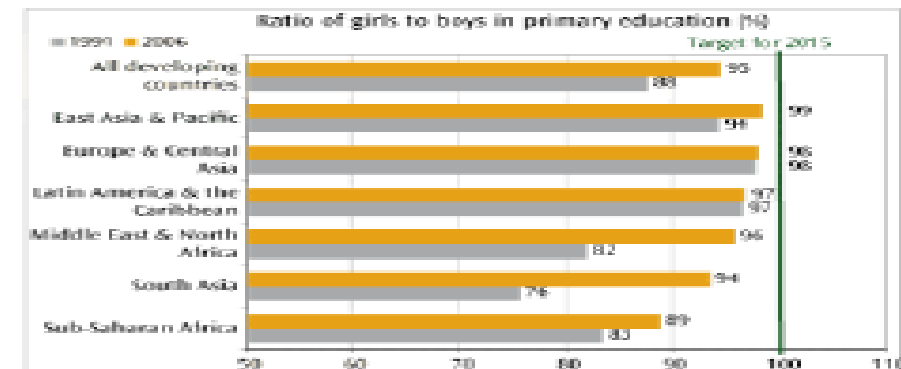
## Goal 3: Promote gender equality and empower women



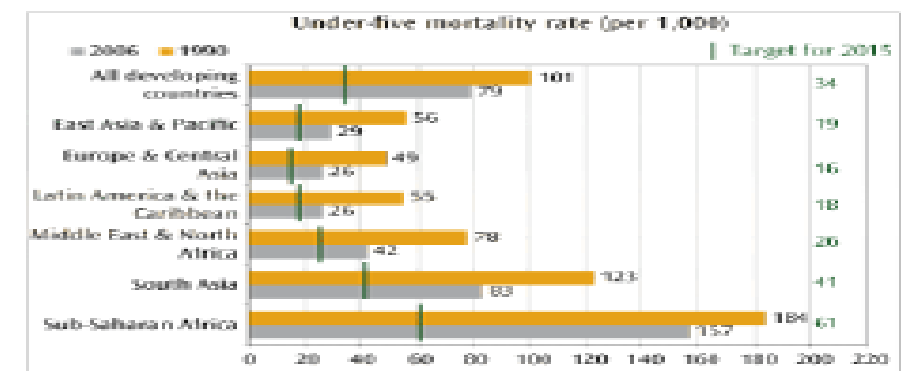
## Goal 1: Eradicate extreme poverty and hunger



## Goal 3: Promote gender equality and empower women



## Goal 4: Reduce child mortality





Phát triển: quá trình tăng trưởng kinh tế *cùng với* thay đổi về thể chế, cấu trúc, và văn hóa.

Phát triển: quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế.

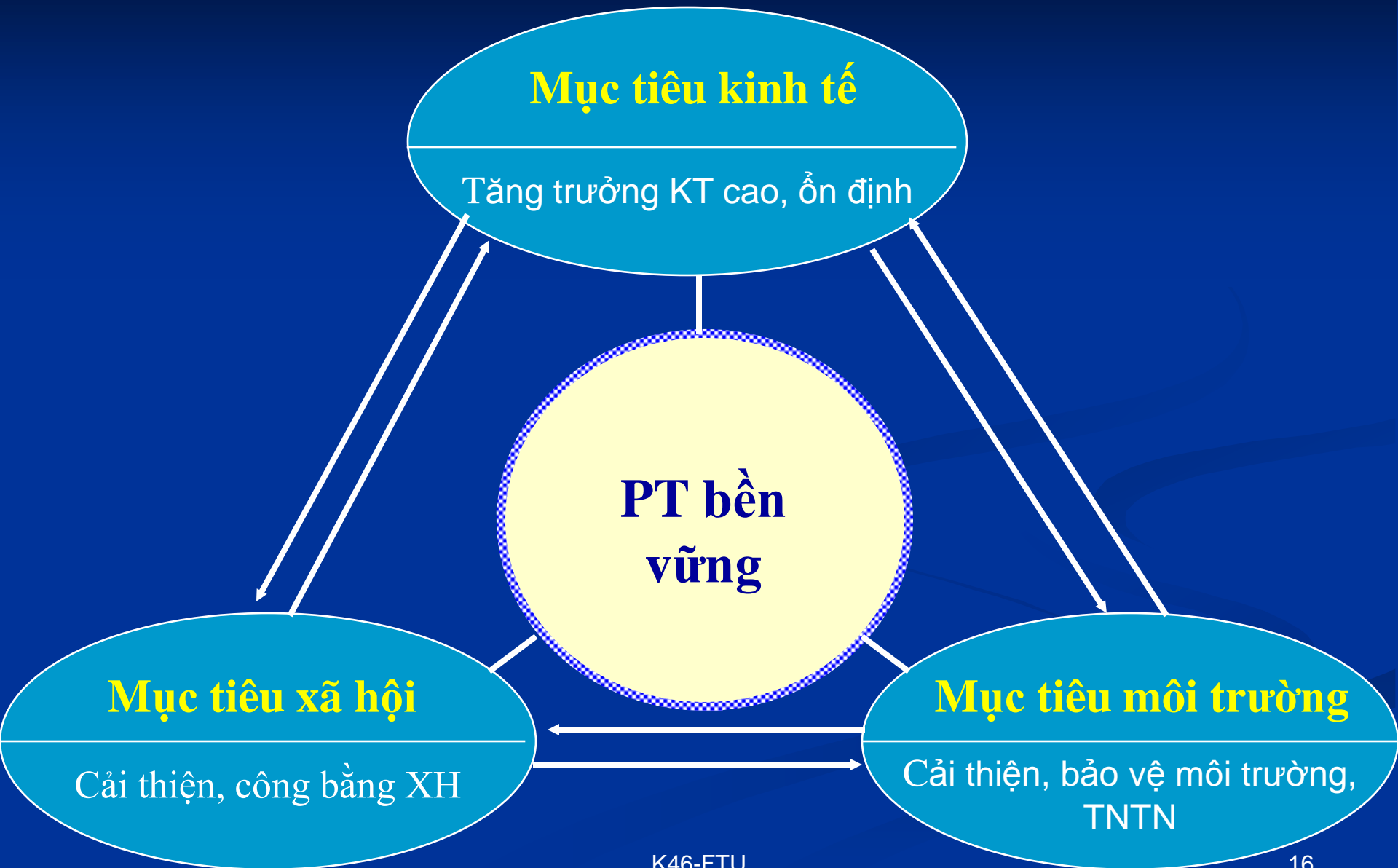
### 3. Phát triển bền vững

- Hội nghị thượng đỉnh về PT bền vững (2002): là quá trình có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa ba mặt: PT Ktế, PT xã hội và bảo vệ môi trường
- World Commission on Environment and Dev. (1987): là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu trong hiện tại mà không phải “đánh đổi” bằng khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ trong tương lai.
- Pearce và cộng sự (1989): là sự đảm bảo để lại cho thế hệ sau một lượng của cải (cả nhân tạo và tự nhiên) với số lượng và chất lượng ít nhất bằng với những gì mà thế hệ hiện nay được thừa kế”

## 4. Các tiêu chí chủ yếu đánh giá PT bền vững

- Tăng trưởng kinh tế ổn định trong dài hạn
- Đảm bảo các vấn đề xã hội
- Khai thác hợp lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống

# Các mục tiêu phát triển bền vững





## Phần 2: Đánh giá tăng trưởng và PT

- Các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng kinh tế
- Các chỉ tiêu đánh giá thay đổi cơ cấu
- Các chỉ tiêu phản ánh sự PT con người và tiến bộ xã hội

# Nền kinh tế giả định

- a) nền kinh tế đóng;
- b) nền kt bao gồm các DN và hộ gia đình và không có chính phủ;
- c) SX / đầu tư do DN tiến hành và tiêu dùng / tiết kiệm do các hộ gia đình tiến hành;
- d) các hoạt động diễn ra trên thị trường;
- e) quá trình sx của DN: kết hợp giữa lao động và vốn

SP quốc dân:  $Y = C + I$

Thu nhập quốc dân:  
 $Y = W + R$

L: lao động

K: vốn

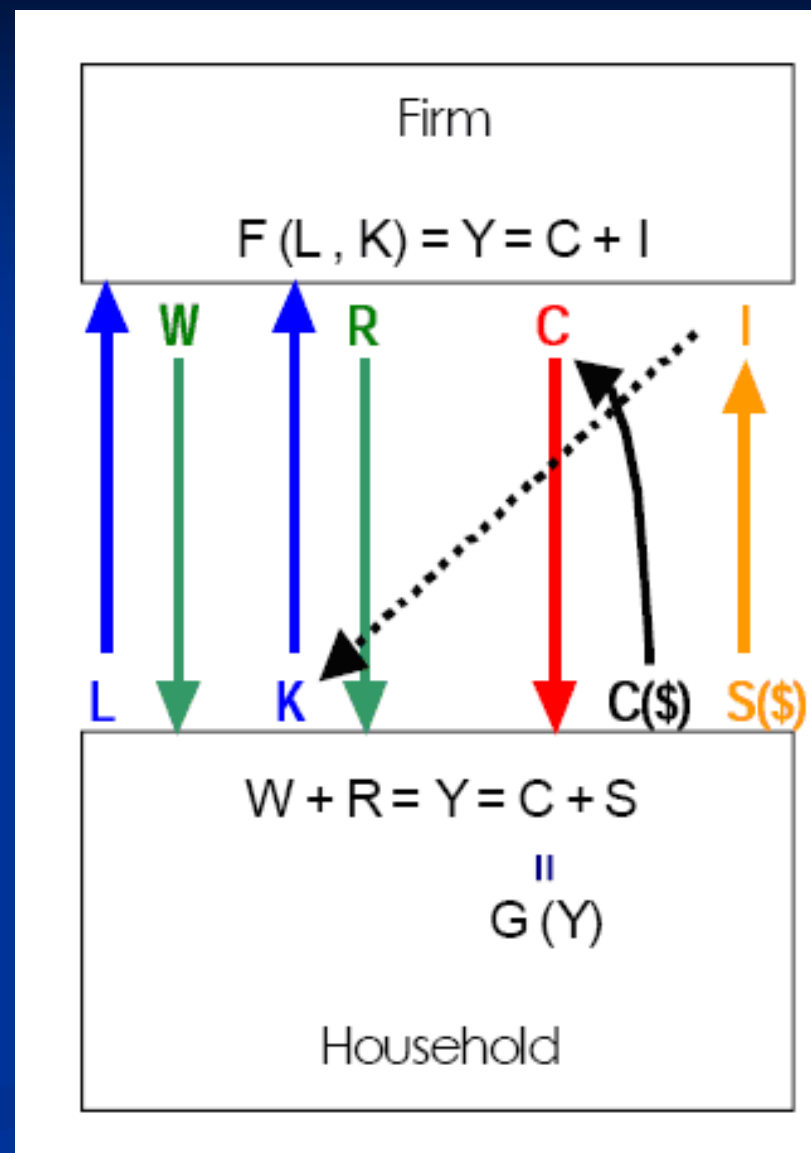
W: tiền lương

R: lợi nhuận

C: tiêu dùng

I: đầu tư

S: tiết kiệm



# 1. Các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng kinh tế

a) Tổng giá trị sản xuất (GO): tổng giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được tạo ra trên lãnh thổ một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định thường là 1 năm.

- Từ khâu tiêu thụ cộng tổng doanh thu của tất cả các hãng

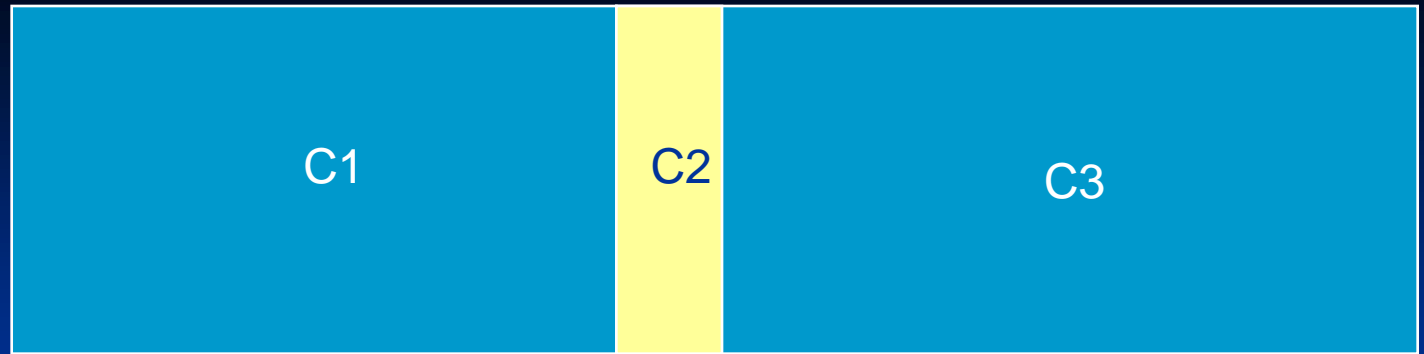
- Từ sản xuất  $GO = \text{cp trung gian (IC)} + VA$

b) GDP: Là tổng giá trị thị trường của tất cả các hàng hoá và dịch vụ *cuối cùng* được sản xuất ra trong lãnh thổ của một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định.

*Ba cách tính:*

- Từ góc độ chi tiêu:  $GDP = C + G + I + NX$
- Từ góc độ thu nhập:  $GDP = W + R + i + Pr + Dp + Te$
- Từ góc độ sản xuất:  $GDP = VA$

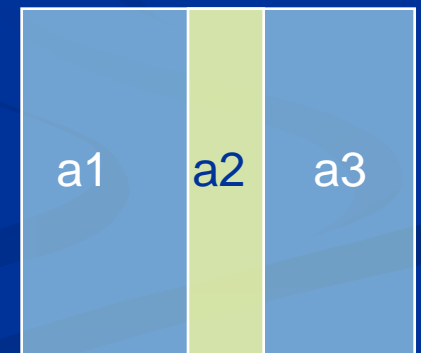
Máy tính



Linh kiện máy tính



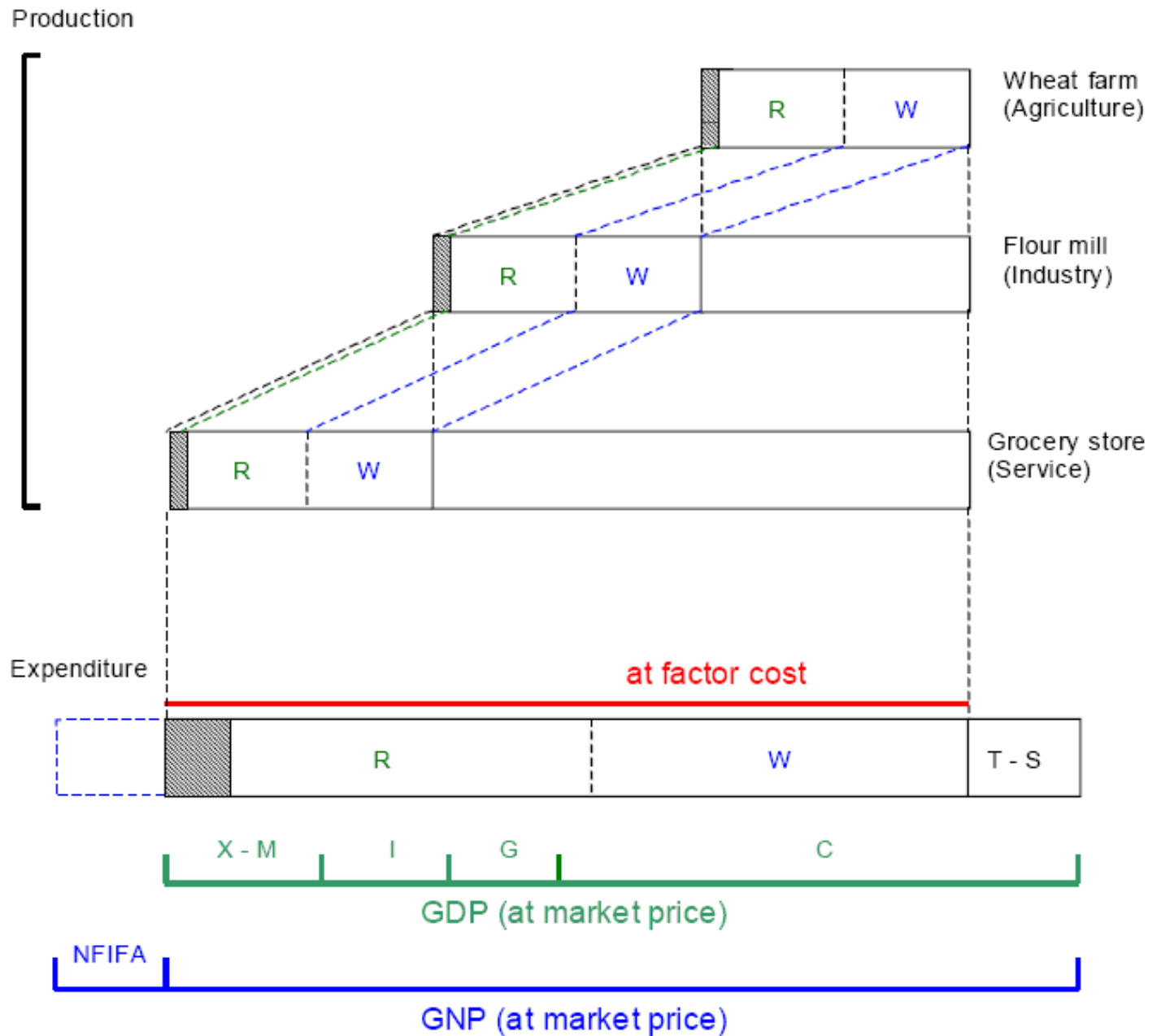
Sắt



Quặng sắt  
22



# VD2



## Hệ số giảm phát GDP (chỉ số điều chỉnh GDP) – GDP deflator

$$D_{\text{GDP}} = \frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_1}$$

# Ví dụ GDP deflator

Sản phẩm	Năm 0		Năm 1		Năm 2		Năm 3	
	$q_0$	$p_0$	$q_1$	$p_1$	$q_2$	$p_2$	$q_3$	$p_3$
A	100	100	95	110	90	120	85	130
B	100	100	150	80	200	65	250	50

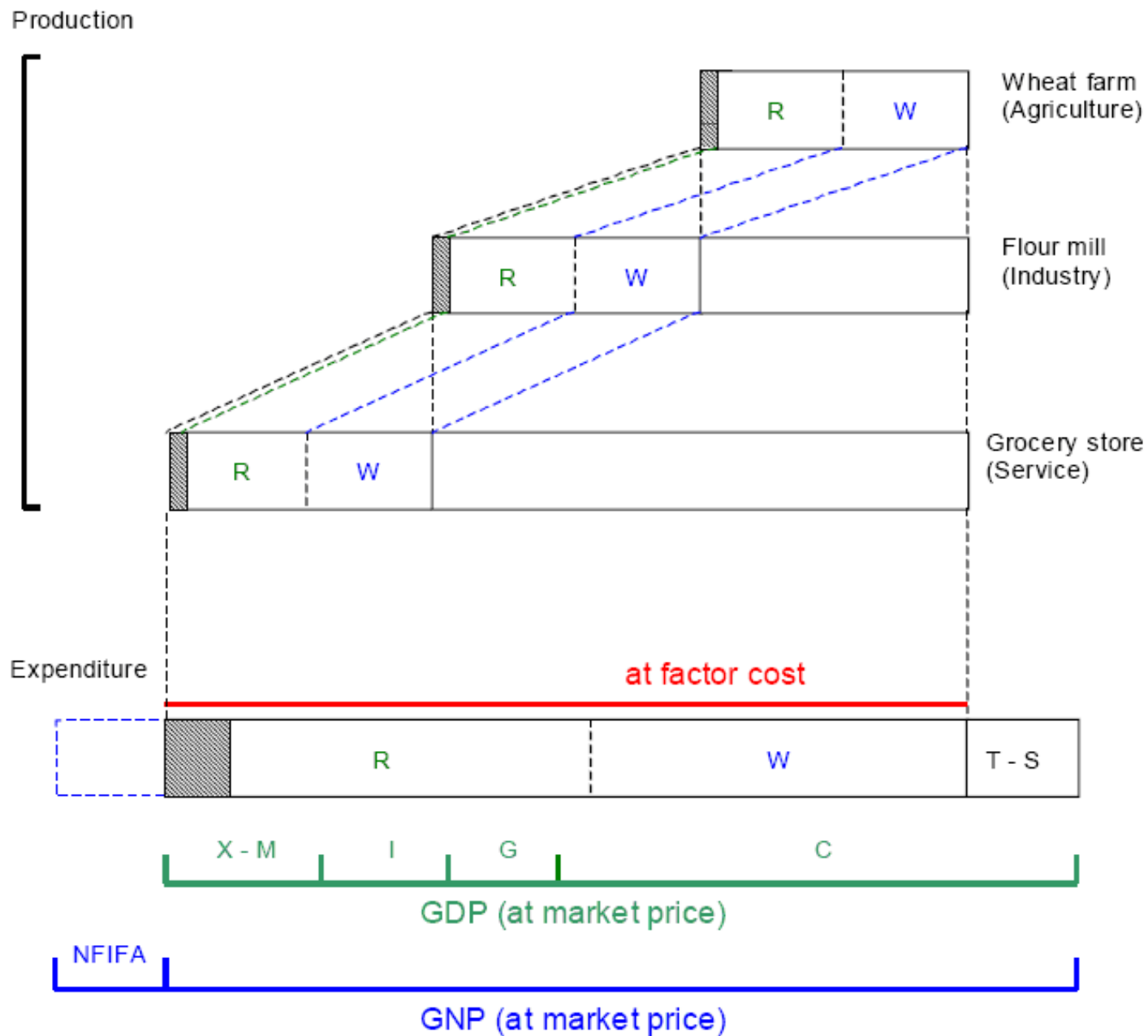
Năm	GDP danh nghĩa	GDP thực	Hệ số giảm phát
0			
1			
2			
3			

c) GNI: tổng thu nhập từ sp vật chất và dịch vụ cuối cùng do công dân của một nước tạo nên trong một khoảng thời gian nhất định

$GNI = GDP + \text{Chênh lệch TN nhân tố với nước ngoài}$   
(Net Factor Income from Abroad-NFIFA)

$NFIFA = \text{TN lợi tức nhân tố từ NN} - \text{chi trả lợi tức nhân tố ra NN}$

# VD2



d) Thu nhập quốc dân (NI): là phần giá trị sp vật chất và dịch vụ mới sáng tạo ra trong một khoảng thời gian nhất định

$$NI = GNI - D_p$$

e) Thu nhập quốc dân sử dụng (NDI): là phần thu nhập của quốc gia dành cho chi tiêu cuối cùng và tích lũy thuần trong một thời kỳ nhất định

$$NDI = NI + \text{chênh lệch về chuyển nhượng hiện hành với nước ngoài}$$



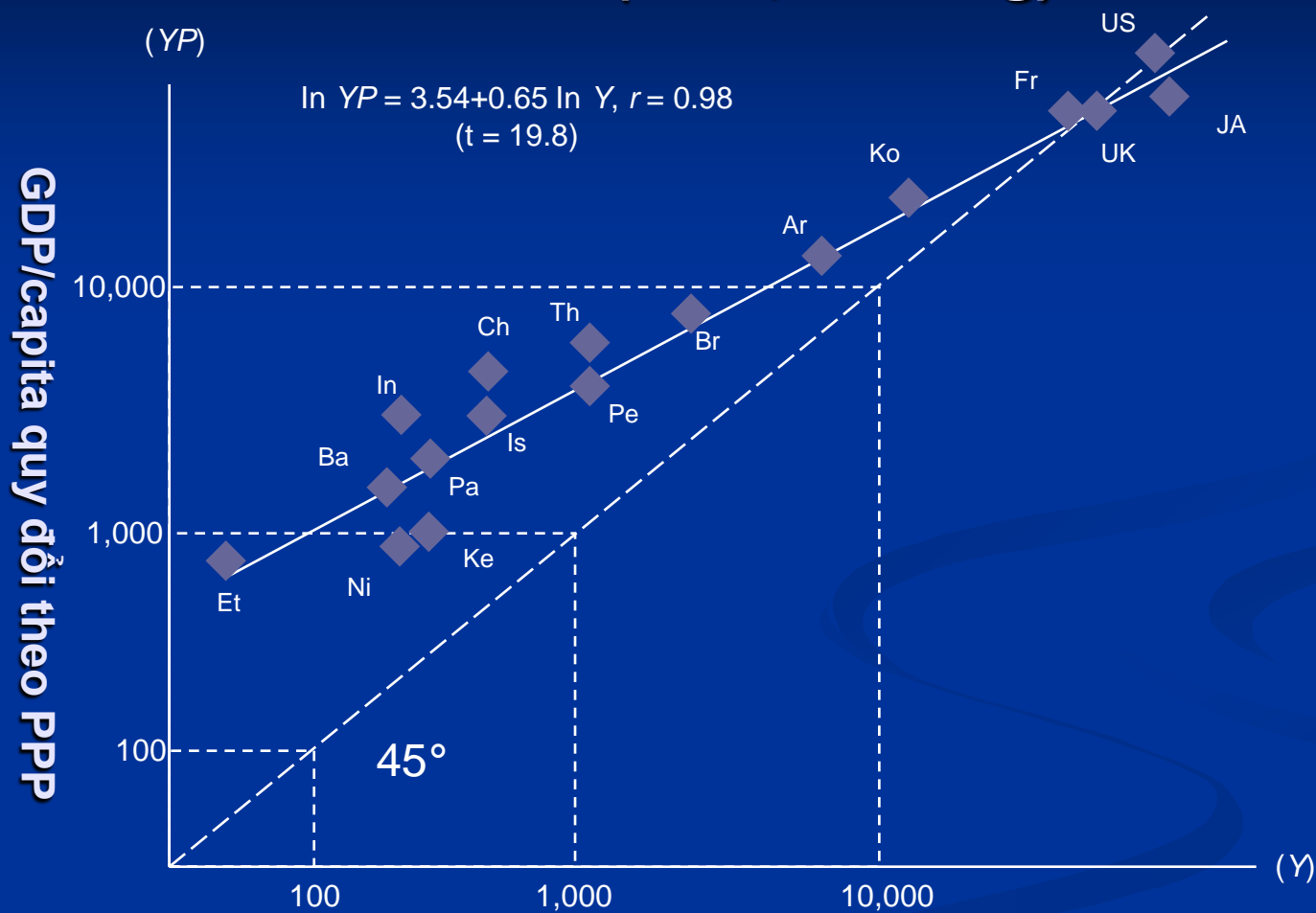
# Vấn đề khi đo lường và so sánh GDP giữa các nước

- Không tính tới những hoạt động trong khu vực phi chính thức
- Sự khác biệt về mức giá cả, đặc biệt giá các hàng hóa không trao đổi được và giá dịch vụ (USD)

	DC	LDC
Mobile phone	100	80
Motorcycle	2,000	1,500
Haircut	40	3

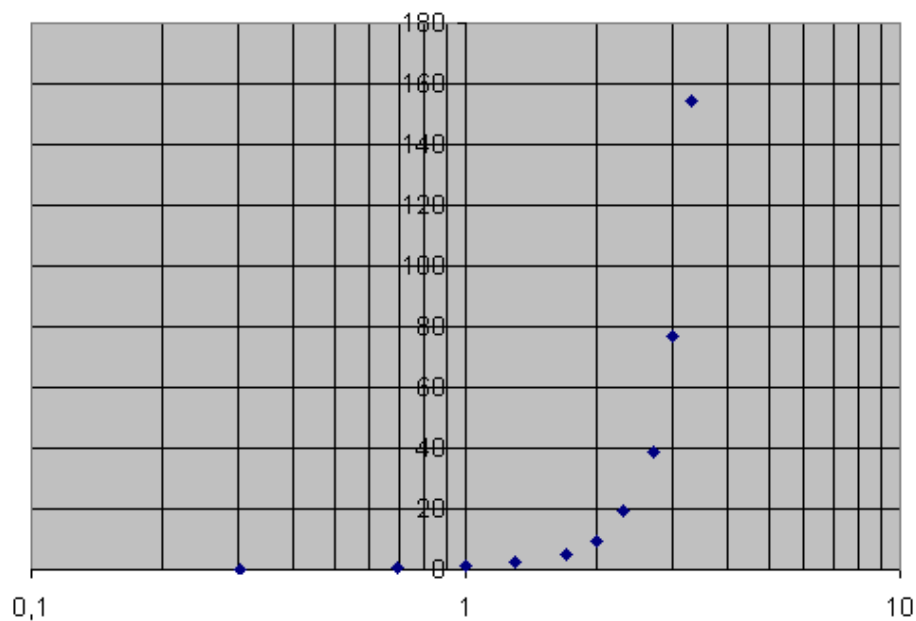
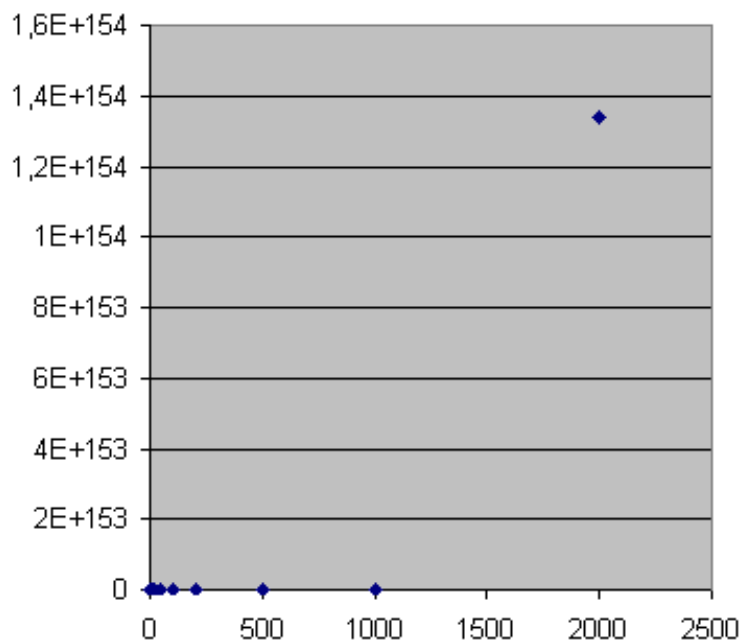
- Vấn đề giá: giá cố định, giá hiện hành
- Vấn đề tỷ giá hối đoái: chính thức; quy đổi theo PPP
- Nguồn số liệu thống kê khác nhau
- Phương pháp thống kê khác nhau.

# GDP/capita quy đổi theo TGHĐ và ngang bằng sức mua PPP (2000, hàm log)



GDP/capita quy đổi theo TGHĐ

# Tại sao dùng hàm log để vẽ đồ thị



## 2.2 Các chỉ số đánh giá cơ cấu kinh tế

- Cơ cấu ngành: So sánh tỷ trọng NN, CN, DV
- Cơ cấu vùng kinh tế: Tỷ trọng kinh tế nông thôn trong toàn bộ nền KT
- Cơ cấu thành phần kinh tế: loại hình sở hữu
- Cơ cấu thương mại quốc tế:
  - Mức độ mở cửa: kim ngạch XNK / GDP
  - Cơ cấu hàng XK
  - Cơ cấu thị trường XK

## 2.3 Các chỉ số phản ánh sự phát triển con người và tiến bộ xã hội

- a) Chỉ tiêu phản ánh sự phát triển của con người:
- mức sống (calorie, lương thực đầu người)
  - Giáo dục và trình độ dân trí
  - Tuổi thọ bình quân, tỷ lệ tử, tỷ lệ tiêm phòng, tỷ lệ ngân sách y tế



## b. Các chỉ số phản ánh mức độ nghèo đói và bất bình đẳng

- Nhóm chỉ tiêu về việc làm
- Nghèo đói
- Bất bình đẳng
- Nhóm chỉ tiêu về phát triển giới

### 3. Khung lý thuyết phân tích về vấn đề phát triển ở các nước đang phát triển

a) Theo Todaro

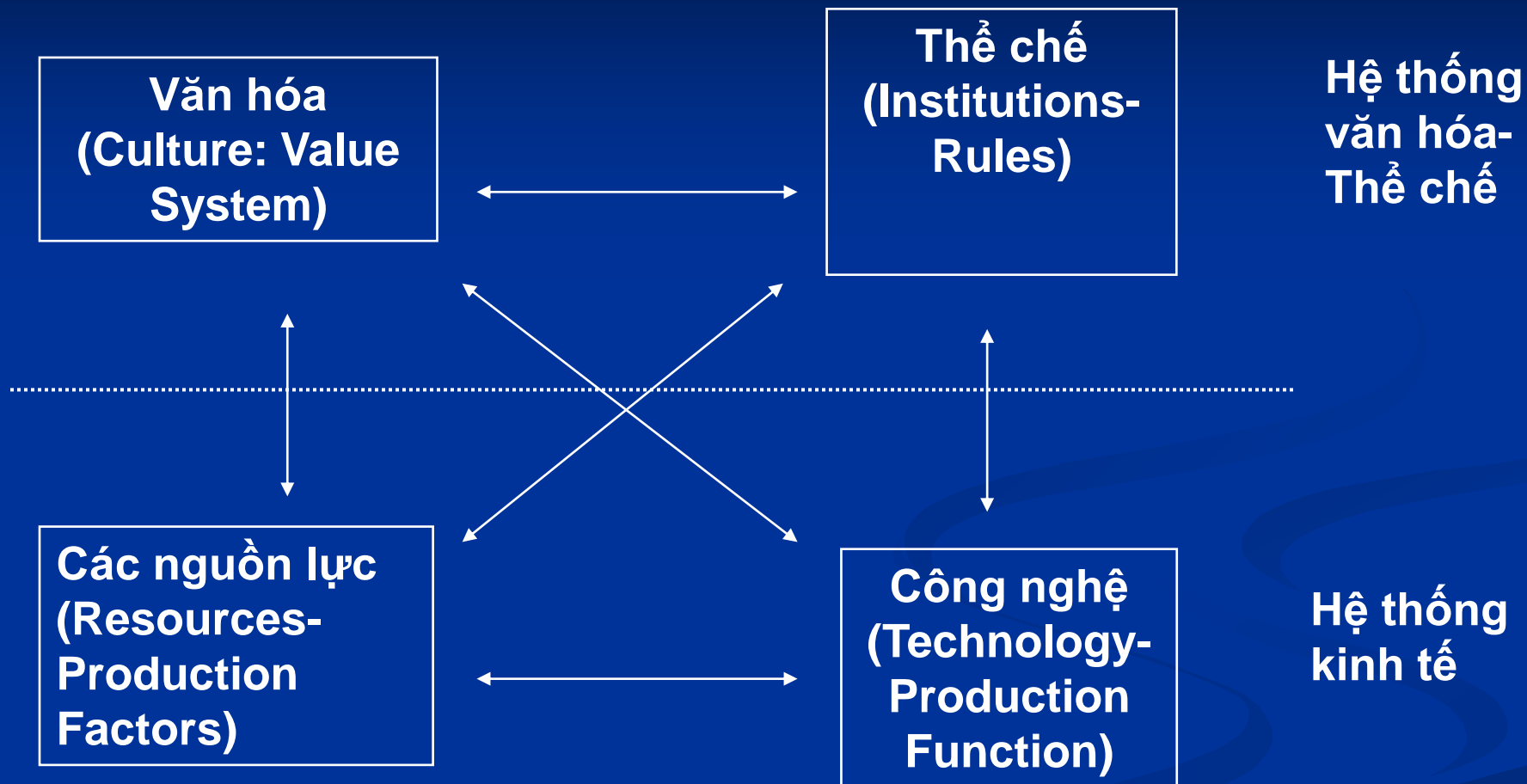
b) Theo Hayami

## a) Theo Todaro

- Kinh tế của các nước TG3 cần được nghiên cứu dưới góc nhìn rộng hơn kinh tế học truyền thống.
- Các nền kinh tế này cần được phân tích trong bối cảnh của quốc gia và toàn cầu.
  - Trong phạm vi quốc gia: phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố KT và phi KT.
  - Trên phạm vi quốc tế: xem xét cách thức tổ chức và các quy tắc chi phối sự hoạt động của nền kinh tế toàn cầu: sự hình thành, ai kiểm soát, ai thu được lợi nhiều nhất.

## b) Theo Hayami

- Hàm sx:  $Y = F(L, K, A; \text{technology})$   
Quan trọng không phải là số lượng mà là chất lượng của L, K, A.  
L, K, và A chỉ tăng khi có sự đầu tư.  
Công nghệ cũng cần có sự đầu tư
- Lý do giải thích tại sao các nước đang pt mất rất nhiều thời gian mới có thể giàu lên được



# Nguồn lực → Công nghệ

- Nhiều A và khan hiếm L: săn bắn, hái lượm
- Khan hiếm A và nhiều L: cải thiện đất đai, đầu tư nghiên cứu, sử dụng nhiều vốn

Săn bắn, hái lượm → NN du canh du cư → định canh định cư → thâm canh tăng năng suất



# Nguồn lực → Công nghệ

Hàm sx sửa đổi:  $Y = F(L_u, L_s, K; \text{technology})$

$L_u$ : lao động không lành nghề (giản đơn)

$L_s$ : lao động lành nghề có kỹ năng

- Các nước TN thấp: tương đối nhiều  $L_u$
- Các nước TN TB: tương đối nhiều  $K$
- Các nước TN cao: tương đối nhiều  $L_s$

Câu hỏi đặt ra: công nghệ nào là phù hợp

# Thể chế → Công nghệ

Chuyển từ công nghệ thâm dụng lao động sang công nghệ thâm dụng vốn cần có:

- 1) thể chế tài chính;
- 2) luật và các quy định để bảo vệ quyền tư hữu vốn;
- 3) hệ thống quyền sở hữu trí tuệ.

Văn hóa → Công nghệ

Văn hóa → cách thức kết hợp vốn và lao động